

Bản án số: 464/2024/DS-PT

Ngày: 04/9/2024

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hạnh.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy - Thẩm phán.

2/ Bà Nguyễn Thanh Nhân- Thẩm phán.

- **Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.**

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.**

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2024/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 360/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: số M, đường M1, khu phố M2, thị trấn N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Huỳnh B, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M3, xã N1, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

- Anh Dương Ngọc C, sinh năm 1978 (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị Hoài D, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M4, xã N2, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Diệp Minh E, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: số M, đường M1, khu phố M2, thị trấn N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị Huỳnh B**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M3, xã N1, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

- Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: số M, đường M1, khu phố M2, thị trấn N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- Chị **Dương Thị Ngọc H**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M4, xã N2, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** bị đơn Dương Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Anh Diệp Minh E và chị Nguyễn Thị Thanh A có cho anh Dương Ngọc C vay nhiều lần tiền, đến ngày 04/6/2023, anh E với chị A và anh C tổng kết đối chiếu tổng số tiền mà anh C còn nợ anh E, chị A là 938.000.000 đồng, hai bên có làm giấy mượn tiền ghi ngày 04/6/2023, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng, lãi suất là 1,5%/tháng. Quá thời hạn thỏa thuận, anh E có yêu cầu anh C trả lại tiền vốn nhưng anh C cứ hẹn nên chị A khởi kiện yêu cầu anh C và chị Nguyễn Thị Hoài D có nghĩa vụ trả lại chị A số tiền vốn 938.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 04/6/2023 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất là 1,5%/tháng (tạm tính đến ngày 04/8/2023 là 28.140.000 đồng). Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng sơ thẩm, bị đơn Dương Ngọc C trình bày:* Anh chỉ thỏa thuận và giao dịch vay tiền với bà Nguyễn Thị G, mẫu giấy mượn tiền là của bà G đưa cho anh viết vào, tiền vay cũng là của bà G giao cho anh nhưng số tiền vay thực tế chỉ là 650.000.000 đồng, trong đó vay cho em gái của anh tên Dương Thị Ngọc H là 200.000.000 còn lại 450.000.000 là tiền của anh. Anh vay số tiền 650.000.000 đồng này vào khoảng 20 mấy tây tháng 5/2023, đến ngày 04/6/2023 thì bà G kêu anh làm giấy mượn tiền mới cùng ngày 04/6/2023, nội dung anh ghi 938.000.000 đồng là cộng tiền vốn 650.000.000 đồng và tiền lãi vào mới ra số tiền 938.000.000 đồng. Tại Giấy mượn tiền ngày 04/6/2023, anh là người đã trực tiếp viết bằng mực bút bi màu xanh vào những chỗ trống của giấy mượn tiền, anh ký tên, ghi họ tên và lăn tay, mặt sau của giấy mượn tiền anh cũng là người viết bằng mực bút bi màu xanh, anh ký tên và ghi họ tên, lăn tay. Sau khi anh viết xong nội dung ở mặt sau của giấy mượn tiền thì mới có người đàn ông xuất hiện, bà G kêu người đó ký tên vào với tư cách là người làm chứng, người này tên gì thì anh không rõ.

Anh yêu cầu phía bà G phải xuất trình những giấy tờ mà anh đã giao dịch vay tiền của bà G trước đây. Anh chỉ giao dịch với bà G chứ không giao dịch với anh E và chị A, mặc dù bà G là mẹ ruột của anh E, là mẹ chồng của chị A nhưng anh chỉ đồng ý trả

tiền cho G số tiền vốn 650.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng theo lãi suất ghi trong giấy mượn tiền, lãi suất tính từ ngày làm giấy mượn tiền mà anh yêu cầu bà G xuất trình.

** Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng sơ thẩm, đại diện ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Diệp Minh E trình bày:* Trong giấy mượn tiền ghi tên người cho mượn tiền là chị Nguyễn Thị Thanh A, còn anh Diệp Minh E là người ký tên tại vị trí người cho mượn tiền là vì người trực tiếp đứng ra thỏa thuận giao dịch với anh C là chị A, tiền cho anh C mượn thì do anh E giao, chị A với anh E là vợ chồng nên anh E để chị A đứng đơn khởi kiện. Anh E thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị A. Anh E đồng ý đề anh C với chị D trả tiền vay cho chị A. Anh E không có yêu cầu gì với anh C.

** Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Ngọc H trình bày:* chị có vay của bà G số tiền 200.000.000 đồng, số tiền này đã được cộng vào tổng số tiền 938.000.000 đồng tại giấy mượn tiền ngày 04/6/2023 mà chị A kiện anh C. Chị H và anh C sẽ tự thỏa thuận số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này. Tài sản mà Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là của chị chuyên nhượng cho anh C đứng tên dùm để vay ngân hàng trả nợ cho bà G nên chị không đồng ý với việc ngăn chặn của Tòa án.

** Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị G trình bày:* bà là mẹ ruột của anh Diệp Minh E, là mẹ chồng của chị Nguyễn Thị Thanh A. Trước kia, anh C có mượn tiền của bà nhưng do bà không có tiền để cho anh C mượn nên bà có chỉ cho anh C là chị A đang có tiền, nếu anh C có mượn thì mượn của chị A. Từ trước đến nay, bà G không có cho anh C cũng không có cho chị H mượn bất kỳ số tiền nào. Bà không giữ giấy tờ gì của anh C.

Bản án sơ thẩm số: 191/2024/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 19 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh A.

Buộc anh Dương Ngọc C và chị Nguyễn Thị Hoài D có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị Thanh A số tiền vay 931.140.000 đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 21/2023/QĐ-BPKCTT ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 23/5/2024, bị đơn Dương Ngọc C có đơn kháng cáo, không đồng ý với Quyết định áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm không xem xét toàn diện chứng cứ anh đã cung cấp làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của anh.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm có những vi phạm tố tụng chưa thu thập chứng cứ đầy đủ, đánh giá chứng cứ không khách quan và toàn diện (có phân tích trong bài phát biểu kèm theo). Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX hủy bản án dân sự sơ thẩm giao hồ sơ Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn Dương Ngọc C và chị Nguyễn Thị Hoài D có nghĩa vụ trả cho Nguyên đơn số tiền vay vốn 938.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là đúng và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định.

[3] Về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Ngày 24/7/2023 chị Nguyễn Thị Thanh A khởi kiện yêu cầu anh Dương Ngọc C và chị Nguyễn Thị Hoài D có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền vốn 938.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi suất từ ngày 04/6/2023 đến ngày Tòa án xét xử, với mức lãi suất là 1,5%/tháng (tạm tính đến ngày 04/8/2023 là 28.140.000 đồng). Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 24/11/2023, Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh A làm Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nội dung rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Nguyễn Thị Hoài D. Lý do vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện Dương Ngọc C trả tiền nợ cho chị, không kiện Nguyễn Thị Hoài D.

Ngày 24/11/2023, Tòa án nhân dân Huyện Gò Công Tây ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 07g30 phút ngày 05/12/2023, Thông báo vẫn xác định Bị đơn là anh Dương Ngọc C và chị Nguyễn Thị Hoài D. Tuy nhiên hồ sơ không có biên bản tổng đạt cho đương sự.

Ngày 02/01/2024 Tòa án nhân dân Huyện Gò Công Tây ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ ngày 22/01/2024, khi này Tòa án xác định chỉ có 01 Bị đơn là anh Dương Ngọc C, không có chị Nguyễn Thị Hoài D và hồ sơ không có biên bản tổng đạt cho chị D.

Tòa án nhân dân Huyện Gò Công Tây đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải lần 1 vào ngày 05/12/2023, và lần 2 vào ngày 22/01/2024, đều không có mặt chị Nguyễn Thị Hoài D. Sau các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án cũng không thông báo kết quả phiên họp cho chị D.

Việc Tòa án nhân dân Huyện Gò Công Tây không thông báo cho bị đơn Nguyễn Thị Hoài D về thời gian, địa điểm tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và nội dung phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải vắng mặt chị là vi phạm tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Chị D.

-Về nội dung:

Xét Giấy mượn tiền (bản chính) ngày 04/6/2023 có nội dung anh C có mượn tiền của chị A nhưng người ký tên cho mượn tiền là anh E; người ký mượn tiền chỉ có anh C ký; người làm chứng ký tên là Nguyễn Văn Thái. Trong Giấy mượn tiền không có chị A và chị D ký tên.

Quá trình tố tụng sơ thẩm, anh C không thừa nhận có mượn tiền anh E, chị A mà cho rằng chỉ mượn tiền của bà Nguyễn Thị G. Giấy mượn tiền là do bà G đưa và đọc cho anh C ghi, có nhập vốn và lãi và nhập tiền em gái Anh C là Dương Thị Ngọc H mượn bà G 200.000.000 đồng. Theo anh C khai, ngày 04/6/2023 các bên chỉ xác nhận lại nợ mà không giao tiền và việc xác nhận nợ không được các bên kiểm tra đối chiếu và anh cũng không biết người ký tên làm chứng trong giấy mượn tiền là ai.

Quá trình tố tụng sơ thẩm Bà G không thừa nhận cho anh C vay tiền mà cho rằng bà là người giới thiệu anh C đến vay tiền của chị A, anh E và bà là người chứng kiến các lần giao tiền. Đại diện theo ủy quyền của chị A thừa nhận anh Nguyễn Văn Thái là người giới thiệu anh C đến vay tiền.

Theo Biên bản hoà giải tại Toà ngày 05/12/2023, Đại diện theo ủy quyền của chị A và anh E khai: Ngày 04/6/2023, anh E cho anh C vay 938.000.000 đồng, ghi tên người cho mượn tiền là chị A nhưng anh E ký tên người cho mượn vì chị A là người đứng ra giao dịch còn anh E là người giao tiền và anh C có trả được khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng tiền lãi suất. Tuy nhiên tại phiên toà sơ thẩm, Đại diện theo ủy quyền của chị A và anh E lại khai, ngày 04/6/2023 các bên chỉ xác nhận lại nợ mà không giao tiền.

Mặt khác, quá trình tố tụng sơ thẩm, Đại diện theo ủy quyền của chị A và anh E đồng ý trừ lại 40.000.000 đồng và tại phiên toà sơ thẩm Đại diện theo ủy quyền của chị A và anh E cũng yêu cầu anh C và chị D liên đới trả số tiền mà anh C đã thống nhất khi thực hiện thủ tục hoà giải đối thoại tại Toà là 931.140.000 đồng, tuy nhiên các Biên bản thực hiện thủ tục hoà giải đối thoại tại Toà đều không có mặt chị D, các Biên bản có đương sự ký tên thì không thể hiện ngày, tháng, năm được lập biên bản, Biên bản thực hiện thủ tục hoà giải đối thoại tại Toà có thể hiện ngày, tháng, năm thì các đương sự không ký tên; và số tiền 938.000.000 đồng khởi kiện ban đầu sau khi được Nguyên đơn đồng ý cần trừ lại 40.000.000 đồng cũng không khớp với số tiền 931.140.000 đồng mà Nguyên đơn yêu cầu.

Trong hồ sơ còn 01 Giấy mượn tiền (bản photo) ngày 04/6/2023 có dấu hiệu tẩy xóa chữ ký người cho mượn tiền trong hồ sơ khởi kiện, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành làm rõ.

Qua xem xét các lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện còn nhiều mâu thuẫn, nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án.

- Đối với nghĩa vụ liên đới của các bị đơn:

Giấy mượn tiền (bản chính) ngày 04/6/2023 chỉ có anh C ký tên người mượn tiền, không có chị D ký. Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh địa chỉ, nghề nghiệp, thu nhập, quá trình chung sống của anh C và chị D, không xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh anh chị cùng sử dụng số tiền trên hoặc để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Quá trình tố tụng sơ thẩm, anh C khai anh và chị D đã ly thân, việc anh ghi

phía sau giấy mượn tiền “ ...để vay Ngân hàng và dùng vào việc kinh doanh trại mọt để lo kinh tế gia đình” là viết theo yêu cầu của bà G để bà G đồng ý cho anh mượn thêm 150.000.000 đồng, chị D không biết, không liên quan số tiền nợ này, nhưng vấn đề này cũng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. Tòa cấp sơ thẩm cũng không lấy lời khai của chị D đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không mời hòa giải, công khai chứng cứ trong vụ án, không xác minh làm rõ các vấn đề còn mâu thuẫn nhưng lại buộc chị D có nghĩa vụ liên đới với anh C trả cho chị A 931.140.000 đồng là chưa có cơ sở vững chắc, chưa đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

Do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm nên cần phải hủy án sơ thẩm để Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét nội dung kháng cáo của đương sự.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật như đã phân tích trên. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được cấp sơ thẩm quyết định khi thụ lý giải quyết lại vụ án.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

1/ Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2024/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được cấp sơ thẩm quyết định khi thụ lý giải quyết lại vụ án.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho anh Dương Ngọc C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo biên lai thu số 0009467 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Hạnh